

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ CÁC HỆ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022 – 2023 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số: 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch, tài chính và Quản lý đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quy định mức thu học phí đối với sinh viên, học viên các hệ đào tạo năm học 2022-2023 theo phương thức tín chỉ của Trường Đại học Quảng Bình, cụ thể:

1. Đại học hệ chính quy, chương trình 2:

- Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên: 290.000đồng/tín chỉ;

- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật: 290.000đồng/tín chỉ;

- Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: 347.000đồng/tín chỉ;

- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường: 290.000đồng/tín chỉ.

2. Đại học hệ liên thông chính quy:

- Khối ngành I; khối ngành III: 319.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành V: 382.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành VII: 319.000đồng/tín chỉ.

3. Đại học hệ vừa làm, vừa học:

- Khối ngành I; khối ngành III: 348.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành V: 416.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành VII: 348.000đồng/tín chỉ.

(Hệ số áp dụng: Đại học: 1; Cao đẳng: 0,8)

Điều 2: Học phí của sinh viên thu theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học từng kỳ của năm học 2022-2023.

Điều 3: Quyết định này thay thế Quyết định số: 1757/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2022 – 2023 tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 4: Trường các đơn vị: Kế hoạch tài chính và QLĐT, Đào tạo, Chính trị và quản lý sinh viên; Trường các khoa, Viện, Trung tâm, bộ môn, sinh viên và học viên căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và PHT;
- UBND tỉnh; (đề BC)
- Sở tài chính;
- Đăng tải Website của Trường;
- Lưu: VT, KHTC&QLĐT.



PGS.TS Nguyễn Đức Vượng

BẢNG TÍNH ĐIỀU CHỈNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2022-2023

Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ/CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về học phí với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập NH 2022-2023

(Thực hiện mức thu học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Trình độ, nhóm ngành, đào tạo	Mức học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (đ/sv/tháng) NH 2021-2022	Mức học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (đ/sv/tháng) NH 2022-2023	Điều chỉnh mức học phí nhà trường NH 2022-2023 bằng mức HP của năm học 2021-2022 theo ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của CP (đ/sv/tháng)	Thực hiện điều chỉnh mức thu học phí tại trường ĐHQB theo tín chỉ NH 2022-2023			Ghi chú
					Chương trình đào tạo tín chỉ/khóa học (số tín chỉ)	Thời gian đào tạo (năm)	Mức thu học phí NH 2022-2023 theo tín chỉ học (đồng/tín chỉ)	
I	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đại học							
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980.000	1.250.000	980.000	135	4	290.000	Sư phạm
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980.000	1.250.000	980.000	135	4	290.000	
3	Khối ngành V: Toán và thông kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170.000	1.450.000	1.170.000	135	4	347.000	
4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980.000	1.200.000	980.000	135	4	290.000	
II	Cao Đẳng Sư phạm	Mức học phí bằng 0,8 mức học phí hệ Đại học theo từng nhóm ngành						



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng

Quảng Bình, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mai Thị Huyền Nga